

MÔ HÌNH KINH TẾ GIẢM NGHÈO CHO CÁC XÃ BÃI NGANG VEN BIỂN TỈNH NGHỆ AN

Hoàng Phan Hải Yến*

Tóm tắt

Xóa đói giảm nghèo là chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, địa bàn và giữa các dân tộc, nhóm dân cư. Thành tựu xóa đói giảm nghèo trong những năm qua là rất đáng kể, song kết quả giảm nghèo chưa vững chắc. Bài viết này nhằm đề xuất các giải pháp và mô hình kinh tế góp phần giảm nghèo cho một số xã bãi ngang ven biển tỉnh Nghệ An.

Từ khóa: Xóa đói giảm nghèo, bãi ngang ven biển, mô hình giảm nghèo.

1. Đặt vấn đề

Theo quan niệm của Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015 thì xã bãi ngang ven biển là các xã có vị trí ở vùng bãi ngang ven biển có đường ranh giới sát bờ biển, hoặc xã cồn bãi, cù lao, đầm phá, bán đảo, hải đảo, có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, luôn chịu ảnh hưởng của triều cường, hạn hán, đất khô cằn, bạc màu, canh tác khó khăn.

Vùng ven biển Nghệ An có diện tích tự nhiên là 302,96 km², dân số 291.175,0 người. Có 12 xã vùng bãi ngang ven biển được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu theo Quyết định số 1489/QĐ - TTg ngày 08/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ: Xã Quỳnh Thọ (Quỳnh Lưu); Xã Diễn Bích, Diễn Trung, Diễn Vạn, Diễn Hải, Diễn Hùng, Diễn Kim (Diễn Châu); Xã Nghi Tiến, Nghi Thiết, Nghi Yên, Nghi Quang (Nghi Lộc); Phường Nghi Tân (thị xã Cửa Lò). Tỷ lệ hộ nghèo vùng bãi ngang ven biển chiếm

9,19% tổng số hộ. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh, đặc biệt là khai thác và bảo vệ tài nguyên ven biển theo hướng bền vững.

Bài viết là kết quả điều tra, khảo sát của đề tài "Nghiên cứu đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình kinh tế góp phần giảm nghèo theo hướng bền vững cho các xã bãi ngang ven biển và miền núi tỉnh Nghệ An"

2. Thực trạng nghèo của một số xã bãi ngang ven biển tỉnh Nghệ An

a. Thực trạng nghèo qua kết quả điều tra

Tỷ lệ hộ nghèo ở các xã, phường vùng bãi ngang ven biển chiếm 9,19% tổng số hộ, với 2.008,0 hộ nghèo, tỷ lệ hộ cận nghèo 11,35%, với 2.479,0 hộ. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 44,55%, trong đó đào tạo nghề đạt 38,3%, giải quyết việc làm cho lao động hàng năm được 2.450,0 người.

Trong toàn vùng bãi ngang ven biển, các xã như Diễn Vạn, Nghi Yên, Diễn Trung, Nghi Thiết tỷ lệ hộ nghèo còn trên 10%, trong

* Phan Hoàng Hải Yến, tiến sỹ, Khoa Địa lý - Quản lý tài nguyên, Đại học Vinh, Nghệ An.

khi đó tỷ lệ hộ cận nghèo cũng rất lớn, nguy cơ tái nghèo cao là một trong những áp lực đối với mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của các xã và huyện.

Bảng 1. Hộ nghèo và cận nghèo các xã bãi ngang ven biển Nghệ An năm 2014

TT	Đơn vị	Năm 2014				
		Tổng số hộ	Hộ nghèo		Hộ cận nghèo	
			Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
	TOÀN VÙNG BÃI NGANG VEN BIỂN	21.838,0	2.008,0	9,19	2.479,0	11,35
I	Thị xã Cửa Lò	2.403,0	153	6,37	309	12,86
1	Phường Nghi Tân	2.403,0	153	6,37	309	12,86
II	Huyện Diễn Châu	12.092,0	1.145,0	9,47	1.658,0	13,71
1	Xã Diễn Kim	2.506,0	213	8,50	149	5,95
2	Xã Diễn Hải	1.824,0	128	7,02	195	10,69
3	Xã Diễn Hùng	1.150,0	69	6,00	248	21,57
4	Xã Diễn Vạn	1.603,0	197	12,29	317	19,78
5	Xã Diễn Bích	2.495,0	240	9,62	338	13,55
6	Xã Diễn Trung	2.514,0	298	11,85	411	16,35
III	Huyện Nghi Lộc	5.904,0	618	10,47	374	6,33
1	Xã Nghi Yên	1.947,0	238	12,22	144	7,40
2	Xã Nghi Tiến	956	83	8,68	47	4,92
3	Xã Nghi Thiết	1.611,0	172	10,68	110	6,83
4	Xã Nghi Quang	1.390,0	125	8,99	73	5,25
IV	Huyện Quỳnh Lưu	1.439,0	92	6,39	138	9,59
1	Xã Quỳnh Thọ	1.439,0	92	6,39	138	9,59

Nguồn: Kết quả điều tra, phân loại hộ nghèo của đề tài cấp tỉnh: Nghiên cứu đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình giảm nghèo bền vững cho các xã bãi ngang ven biển và miền núi tỉnh Nghệ An.

Trong 12 xã bãi ngang ven biển tỉnh Nghệ An, có 4 xã đặc biệt khó khăn được tiến hành điều tra tổng thể đó là: xã Quỳnh Thọ (Quỳnh Lưu), xã Diễn Vạn và Diễn Bích (Diễn

Châu), phường Nghi Tân (Cửa Lò). Qua kết quả điều tra, chúng tôi phân loại theo năng lực hộ nghèo như sau:.

Bảng 2: Phân loại năng lực hộ nghèo năm 2014

		Quỳnh Thọ	Diễn Vạn	Diễn Bích	Nghi Tân
1. Tổng số hộ nghèo	Số lượng (người)	120	197	240	153
	Tỉ lệ (%)	100	100	100	100
- Hộ nghèo bất khả kháng	Số lượng (người)	65	81	131	50
	Tỉ lệ (%)	54,2	41,1	54,6	32,7
- Hộ nghèo có năng lực	Số lượng (người)	1	14	11	27
	Tỉ lệ (%)	0,8	7,1	4,6	17,6
- Hộ nghèo thiếu năng lực	Số lượng (người)	54	102	98	76
	Tỉ lệ (%)	45,5	51,8	40,8	49,7

Nguồn: Kết quả điều tra, phân loại hộ nghèo của đề tài cấp tỉnh: Nghiên cứu đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình giảm nghèo bền vững cho các xã bãi ngang ven biển và miền núi tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, các DN cũng tập trung vào đối tượng khách hàng trong nước là chính khi hoạt động kinh doanh còn đang hết sức khó khăn. Chỉ có một số DN hoạt động chính dựa trên xuất khẩu thì vẫn phải tiếp tục duy trì thị trường nước ngoài. Bức tranh âm ảm về tương lai hoạt động của các DN cho thấy hoạt động đầu tư đổi mới công nghệ cũng không thể sôi động.

b. Lộ trình công nghệ của DN

Trong số các DN trả lời phỏng vấn, chỉ có một số loại hình DN có lộ trình công nghệ đầy đủ với các hoạt động khoa học công nghệ được triển khai. Đó là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải; Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Thông tin và truyền thông. Hoạt động KHCN của các DN ở mức hết sức nghèo nàn. Một số chỉ trích lập quỹ dự phòng KHCN chứ chưa hề có hoạt động mua sắm hay chuyển giao CN nào mới.

Hộ nghèo bất khả kháng: Là hộ nghèo mà mọi người trong gia đình không có ai có sức lao động: già cả, ốm đau quá nặng, bệnh tật hiểm nghèo (ung thư, nhiễm HIV...), thương bệnh binh nặng, tàn tật, nghiện hút, thiếu năng trí tuệ, bị nhiễm chất độc da cam không hy vọng nguồn lao động trong tương lai... Đây là những đối tượng mà xã hội và cộng đồng dân cư phải xác định là nuôi dưỡng chăm sóc họ suốt đời. Cần chấp nhận nuôi các thành viên trong hộ nghèo suốt đời, hoặc cho đến khi trẻ em trong hộ lớn lên đến tuổi lao động, hoặc cho đến khi họ qua đời, những hộ này cần có một chính sách đặc biệt, không đưa vốn cho họ. Đầu tư cho loại hộ nghèo bất khả kháng là đầu tư vô điều kiện.

Hộ nghèo tiềm năng hạn chế: Là những hộ nghèo có sức lao động nhưng trình độ văn hóa thấp, lười biếng, ỷ lại, năng lực hạn chế.... Đầu tư cho loại hộ nghèo tiềm năng hạn chế là đầu tư có điều kiện: họ chỉ có thể hưởng 1 số chính sách giảm nghèo (vay vốn sản xuất) nếu họ khắc phục được các hạn chế trên: lười biếng, ỷ lại, văn hóa thấp. Do vậy cần phải giáo dục đào tạo mới cho vay vốn.

Những hộ nghèo thiếu sức lao động, năng lực hạn chế, gia đình đông con..., nhưng lại có mong muốn thoát nghèo, chăm chỉ. Những hộ nghèo này trước mắt sẽ được đầu tư ở các dự án nhỏ, theo kiểu hộ gia đình (vốn nhỏ) để họ có quá trình trải nghiệm, trưởng thành trong thời gian 2 - 4 năm và điều kiện kèm theo là phải thoát được nghèo trong thời gian đó.

Hộ nghèo có tiềm năng: Là những hộ nghèo có sức lao động, có trình độ văn hóa, có năng lực nào đó trong sản xuất, chăm chỉ, mong muốn làm giàu, nhưng thiếu vốn, thiếu đất, thiếu tư liệu sản xuất, thiếu kiến thức sản xuất... Đây là những hộ nghèo có khả năng giảm nghèo nhanh, thay đổi cuộc sống, góp phần thay đổi kinh tế - xã hội địa phương nếu được vay vốn hợp lý và hỗ trợ sản xuất. Đầu tư cho loại hộ nghèo có tiềm năng là đầu tư có trách nhiệm, các hộ này sau khi thoát nghèo phải có trách nhiệm giúp các hộ nghèo khác vươn lên.

c. Những tồn tại và hạn chế chính

Đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân vùng biển nói chung, các xã bãi ngang ven biển nói riêng còn nhiều khó khăn, nhất là thu nhập và mức sống còn thấp, mới bằng 82,86% so với bình quân chung cả tỉnh. Nguồn thu chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp, diêm nghiệp, nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản là chính, năng suất thấp, hiệu quả chưa cao, thiếu ổn định, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, thời vụ sản xuất, giá cả nông sản, giá cả thủy hải sản thị trường.

So với khu vực đồng bằng của Tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo vùng bãi ngang ven biển cao, chiếm 9,19% (khu vực đồng bằng hiện nay chỉ còn 7,28%). Năng suất và thu nhập của người lao động thấp, lao động phổ thông chiếm tỷ lệ lớn, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 44,55%, trong đó đào tạo nghề đạt 38,3%, nhu cầu giải

quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề của nhân dân và người lao động đang là vấn đề bức xúc nhưng chưa được giải quyết căn bản.

Quy mô và tốc độ phát triển kinh tế - xã hội chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế vốn có, hệ thống kết cấu hạ tầng quy mô đầu tư nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển vùng ven biển. Nhất là hệ thống giao thông, công trình thủy lợi tưới tiêu, hệ thống bến cá, cảng cá, chợ cá chưa đảm bảo, hạ tầng các vùng nuôi trồng thủy sản chậm đầu tư.

Phân bổ ngân sách cho giảm nghèo chưa hợp lý. Hiện nay, kinh phí cho xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế có hiệu quả chỉ chiếm 0,03% tổng số kinh phí giảm nghèo, trong khi kinh phí cho đào tạo và tập huấn cán bộ giảm nghèo gần 10,7%. Kinh phí cho hộ nghèo vay vốn từ Ngân hàng Chính sách Xã hội chiếm tỉ lệ cao trên 63% tổng số kinh phí, nhưng vốn dành cho phát triển sản xuất cũng chiếm tỉ lệ quá nhỏ chỉ 20%, còn trên 43% dành cho các hạng mục khác. Các kinh phí hỗ trợ chồng chéo nhau làm cho tính minh bạch giảm đi, là mảnh đất tốt cho sự thất thoát, kém hiệu quả về kinh phí, khó quản lý, dân khó giám sát và cơ hội cho tham nhũng.

3. Một số giải pháp góp phần giảm nghèo cho các xã bãi ngang

a. Phân bổ lại ngân sách dành cho giảm nghèo cần hợp lý hơn và có phần mền quản lý nguồn vốn: Theo hạng mục và theo đối tượng nghèo

Thứ nhất, Ủy ban nhân dân Tỉnh cần nghiên cứu tăng ngân sách cho các mô hình kinh tế và nuôi các mô hình kinh tế thành công cho đến khi nó tồn tại độc lập được. Thực tế, những năm qua, việc đầu tư cho các mô hình kinh tế còn quá ít dẫn đến các mô hình kinh tế phát triển không bền vững, khi không còn

nguồn vốn hỗ trợ thì mô hình cũng không tồn tại.

Thứ hai, cắt hẳn kinh phí cho việc nâng cao năng lực cán bộ giảm nghèo và năng lực hệ thống chính trị, không thể lấy ngân sách giảm nghèo để đầu tư cho cán bộ. Các cán bộ phải tự học để nâng cao năng lực, hoặc nếu năng lực hạn chế thì lấy từ ngân sách khác để bồi dưỡng năng lực, đây cũng là điều cảnh báo cho việc lạm dụng ngân sách giảm nghèo và lựa chọn cán bộ. Không nên và không thể lấy ngân sách dành những hộ nghèo để bồi dưỡng năng lực cán bộ và hệ thống chính trị, như vậy là có tội với người nghèo.

Thứ ba, xác định đúng đối tượng cho vay vốn. Theo phân loại năng lực hộ nghèo nêu trên, có thể cho hai loại hộ nghèo được vay vốn là hộ nghèo có tiềm năng và hộ nghèo có tiềm năng hạn chế nhưng ở các mức khác nhau và có điều kiện rõ ràng đối với từng loại hộ nghèo

Thứ tư, xây dựng phần mềm quản lý nguồn vốn theo các hạng mục và đối tượng nghèo (địa phương và hộ) nhằm nâng cao khả năng quản lý nguồn vốn, tránh thất thoát. Số dư kinh phí còn lại hàng năm trong phân bổ ngân sách nên dành phần lớn ưu tiên cho xây dựng các mô hình kinh tế giảm nghèo ở các xã bãi ngang ven biển, đây là những xã ít nhận được sự đầu tư hơn các xã khác.

b. Nâng cao nhận thức cho hộ nghèo kịp thời

Tư tưởng không muốn thoát nghèo của hộ nghèo còn rất lớn vì hộ nghèo đều được hưởng các chính sách đặc biệt của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, các cấp chính quyền và địa phương cần tuyên truyền khát vọng thoát nghèo: có chế độ ưu đãi cho những hộ mong muốn thoát nghèo; Phê bình các hộ nghèo có tiềm năng và hộ nghèo tiềm năng hạn chế không muốn thoát nghèo để hưởng các cơ chế

chính sách; Phê bình những hộ chia nhỏ hộ ra để hưởng hộ nghèo.

c. Vận động Đoàn thanh niên, cán bộ xã, các đoàn thể như phụ nữ, cựu chiến binh...và cộng đồng giúp đỡ hộ nghèo

Cần lập danh sách các cán bộ nêu trên giúp đỡ hộ nghèo: 1 cán bộ/1 hộ nghèo và đưa vào tiêu chí để đánh giá và xét năng lực cán bộ; Lập danh sách hộ khá giả, giàu giúp đỡ hộ nghèo: 1 hộ khá giả, giàu/1 hộ nghèo; Yêu cầu cán bộ báo cáo tình hình theo năm.

d. Vận động dòng họ giúp đỡ hộ nghèo trong dòng họ

Nhân dịp các ngày tế họ, giỗ họ...đưa các danh sách hộ nghèo trong dòng họ thông báo, kêu gọi những người khá giả, giàu có xa gần trong họ có kế hoạch giúp hộ nghèo trong dòng họ bằng hiện vật, tiền, công ăn việc làm...có nhiều địa phương rất thành công trong cuộc vận động này, trong đó có vai trò rất quan trọng của người đứng đầu dòng họ.

4. Một số mô hình giảm nghèo cho các xã bãi ngang ven biển tỉnh Nghệ An

Các xã bãi ngang nhận được rất ít các mô hình kinh tế giảm nghèo từ chương trình giảm nghèo của Tỉnh. Dựa vào tình hình thực tiễn của các xã ven biển: các hộ nghèo đều thiếu đất và thiếu lao động, các năng lực khác hạn chế, số hộ nghèo bất khả kháng, hộ nghèo tiềm năng hạn chế chiếm tỉ lệ cao nên vấn đề trồng trọt sẽ không khả thi, do vậy sẽ hướng vào mô hình chăn nuôi.

a. Mô hình chăn nuôi Gà cổ bằng giun quế

- Lợi thế

Chăn nuôi gà là một nghề đã có từ lâu trong các hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam. Thực tế đã chứng minh chăn nuôi gà đem lại hiệu quả kinh tế cao, chu kỳ sản xuất thịt và

trứng nhanh hơn nhiều so với các loại vật nuôi khác. Chi phí thức ăn cho 1 kg tăng trọng thấp và nó tạo ra nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao. Hơn nữa, chu kỳ sản xuất gà ngắn do đó đáp ứng được nhu cầu thực phẩm ngày càng cao trong xã hội cả về số lượng cũng như chất lượng sản phẩm.

Gà cò là một đặc sản của Việt Nam có tính cạnh tranh cao trên thị trường vì chất lượng thịt thơm ngon, nhiều giá trị dinh dưỡng. Chăn nuôi gà cò hiện nay sử dụng vốn ít, thu hồi nhanh; có thị trường lớn; tận dụng được sức lao động ở mọi lứa tuổi; sử dụng ít không gian, không cần nhiều đất đai; nguồn thức ăn sạch, không cần mua các thức ăn khác trên thị trường ngoài giun. Chính những lợi thế này, gà cò hiện nay được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chọn làm sản phẩm hội nhập TPP.

- Cách tiếp cận và tiến hành

Thứ nhất, lựa chọn địa bàn: Triển khai trên 3 xã Quỳnh Thọ, Diễn Vạn, Diễn Bích. Mỗi xã chọn 10 - 15 hộ nghèo chủ yếu thuộc nhóm tiềm năng hạn chế, 2 hộ nghèo bất khả kháng và 2 hoặc 1 hộ nghèo có tiềm năng để xác định tính khả thi của mỗi nhóm. Mỗi hộ chăn nuôi 20 - 30 con.

Thứ hai, thành lập ngân hàng gà cò hoặc tìm nguồn hỗ trợ giống.

Thứ ba, thức ăn chính là giun quế vì giun quế sinh sản nhanh, dễ nuôi, ít chịu ảnh hưởng bởi điều kiện môi trường. Có thể đặt mua giống ở Bắc Giang và một số tỉnh khác sau đó về giao cho từng hộ nuôi

Thứ tư, để giảm thiểu rủi ro trong nuôi gà cò cần phải phân công cán bộ hỗ trợ, trước mắt 1 đoàn viên thanh niên/hộ; biên soạn tài

liệu và tập huấn cách nuôi giun quế và gà; xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh.

Thứ năm, tìm kiếm doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm

- Khó khăn

Khó khăn chính ở mô hình này là việc thành lập ngân hàng gà cò, dịch bệnh và khả năng tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, những khó khăn này có thể khắc phục được trong điều kiện phân bổ nguồn ngân sách hợp lý, đặc biệt là những ưu tiên của Nhà nước đối với các xã bãi ngang hiện nay.

b. Mô hình chăn nuôi bò nhốt chuồng

- Lợi thế

Với đặc trưng là các xã bãi ngang ven biển, diện tích đất canh tác không lớn, không có không gian và các đồng cỏ để chăn thả thì chăn nuôi bò nhốt chuồng là một ưu tiên hiện nay.

Chăn nuôi bò tạo ra hiệu quả kinh tế cao do chi phí đầu tư thấp, bò chóng lớn, ít xảy ra dịch bệnh, có đầu ra ổn định. Sau khi nuôi vỗ béo từ 8 - 10 tháng xuất chuồng, trừ chi phí người chăn nuôi có thể thu lãi khoảng 1,5 triệu đến xấp xỉ gần 2 triệu đồng/con/tháng.

Hơn nữa, nếu như mô hình chăn nuôi gà hay lợn đều chưa thật sự bền vững vì hộ nghèo có thể làm thịt ăn khi không tạo ra sinh kế hàng ngày thì chăn nuôi bò là lợi thế. Hơn nữa, chăn nuôi bò nhốt chuồng còn có thể tận dụng được phụ phẩm từ nông nghiệp như rơm, rạ, cám gạo, bắp...

- Cách tiếp cận và tiến hành

Thực hiện kêu gọi đầu tư từ các chương trình hỗ trợ đầu tư cho mỗi hộ 1 con bò. Thành lập tổ chăn nuôi bò của hộ nghèo gồm 5-7 gia

đình, mỗi hộ đầu tư 1 con bò và phân công nhau chăm sóc.

Thành lập các nhóm hộ trong đó có hộ nghèo và đã thoát nghèo để xây dựng các mô hình làm kinh tế tế: nhóm nuôi bò (khi đẻ con giống ra thì hộ được nuôi con giống và chuyển mẹ cho gia đình khác),... Trên cơ sở đó khi kinh tế của hộ đã vững thì tách thành mô hình riêng, các hộ phải đi lên từ kinh tế hộ gia đình, nhưng khi chưa biết làm hoặc chưa đủ sức thì phải thực hiện theo nhóm hộ. Với lợi thế ít rủi ro, tận dụng nguồn thức ăn sẵn có, lấy công làm lời.

Trước khi nhận con giống, các hộ gia đình đã được cán bộ của Trạm Khuyến nông huyện hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật chăm sóc, phương pháp phòng trừ dịch bệnh cho con vật nuôi, cách phối giống khi bò đến thời kỳ sinh sản. Ngoài ra, các gia đình còn được hỗ trợ ban đầu về thức ăn chăn nuôi, kinh phí làm chuồng trại...

Từ đó, hàng năm xã tiếp tục thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững hỗ trợ vốn vay 15 - 20 triệu đồng để nuôi bò.

- Khó khăn

Diện tích các đồng cỏ, triển dê, bờ vùng bờ thửa đang thu hẹp dần do quá trình bê tông hóa nên nguồn thức ăn tự nhiên cho bò rất hạn chế. Muốn khắc phục được điều này, các xã phải chuyển đổi một số loại đất canh tác năng suất thấp, cải tạo các loại đất nhiễm phèn, nhiễm mặn sang trồng cỏ nhân tạo.

5. Kết luận

Giảm nghèo, nâng cao mức sống cho nhân dân vùng ven biển Nghệ An là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2014 - 2020 nhằm tạo bước chuyển biến tăng nhanh thu nhập, cải thiện điều kiện sinh hoạt và chất lượng cuộc sống cho nhân dân. Từng bước thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, đảm bảo ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện và cơ hội để nhân dân vùng ven biển tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản về hạ tầng cơ sở, văn hoá, giáo dục, y tế, an sinh xã hội và các điều kiện phát triển sản xuất tăng thu nhập, vượt qua nghèo đói, vươn lên khá, giàu bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sở Khoa học và Công nghệ Nghệ An, 2015. Đề tài cấp Tỉnh giai đoạn 2015 - 2016. *Nghiên cứu đề xuất giải pháp và xây dựng mô hình giảm nghèo bền vững cho các xã bãi ngang ven biển và miền núi tỉnh Nghệ An.*
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Nghệ An, 2015. *Tổng hợp kết quả điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo các xã, phường, thị trấn năm 2014.*
- UBND tỉnh Nghệ An, 2015. *Báo cáo Công tác giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015 và phương hướng nhiệm vụ giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020.*
- UBND tỉnh Nghệ An, 2015. *Hội nghị tổng kết công tác giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015 và giúp đỡ xã nghèo miền Tây Nghệ An*